

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1743/QĐ-ĐHTCM, ngày 08 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)*

1. Mô tả chương trình đào tạo:

1.1 Giới thiệu về chương trình đào tạo:

Chương trình đào tạo Ngành Kinh tế (Chương trình chuẩn) của Trường Đại học Tài chính – Marketing là chương trình đào tạo cử nhân có phẩm chất đạo đức, có bản lĩnh chính trị, có kiến thức thực tiễn về kinh tế và quản lý kinh tế, có khả năng tư duy chiến lược, năng lực quản lý và các kỹ năng cần thiết trở thành những nhân sự quản lý, lãnh đạo trong các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế.

1.2 Thông tin chung về chương trình đào tạo:

1. Tên chương trình (tiếng Việt):	KINH TẾ (Chuẩn)
2. Tên chương trình (tiếng Anh):	ECONOMICS
3. Mã ngành đào tạo:	7310101
4. Trường cấp bằng:	Trường Đại học Tài chính – Marketing
5. Tên gọi văn bằng:	Cử nhân
6. Trình độ đào tạo:	Đại học
7. Số tín chỉ:	120
8. Khoa quản lý chương trình:	Kinh tế - Luật
9. Hình thức đào tạo:	Chính quy
10. Thời gian đào tạo:	4 năm
11. Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng việt
12. Thang điểm đánh giá:	Theo Quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/7/2021, Quyết định số 1421/QĐ-ĐHTCM ngày 30/5/2022 và Quyết định số 1917/QĐ-ĐHTCM ngày 17/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quy định thi kết thúc học phần và cách tính điểm các hệ, bậc đào tạo theo học chế tín chỉ của Trường Đại học Tài chính – Marketing và các nội dung sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1917/QĐ-ĐHTCM ngày 17/10/2018 theo Quyết định số 717/QĐ-ĐHTCM ngày 14/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing.

13. Vị trí việc làm:	- Có thể làm việc vị trí chuyên viên hoặc quản lý trong các cơ quan quản lý kinh tế các cấp (Trung ương, bộ, sở, ban ngành, địa phương); - Các tổ chức tư vấn, các tổ chức chính trị, các tổ chức xã hội, các tổ chức phi Chính phủ; - Các viện nghiên cứu và cơ sở đào tạo về kinh tế và quản lý kinh tế; các trung tâm nghiên cứu và tư vấn về kinh tế và quản lý kinh tế; - Làm việc tại các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế.
14. Học tập nâng cao trình độ:	Có đủ khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ sau đại học thuộc các ngành và chuyên ngành có liên quan đến kinh tế và quản lý ở trong và ngoài nước
15. Chương trình đào tạo tham khảo khi xây dựng:	<i>Trong nước:</i> Trường ĐH Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Trường ĐH Kinh tế - Luật, Trường ĐH Kinh tế, ĐHQG Hà Nội. <i>Ngoài nước:</i> Trường Đại học Harvard, Hoa Kỳ, Trường Kinh tế, Luân Đôn, Anh Quốc; Trường Đại học Cambrige, Anh Quốc.
16. Thời điểm thiết kế/điều chỉnh chương trình đào tạo:	2022

1.3 Triết lý giáo dục của Trường Đại học Tài chính – Marketing

Thực chất, đổi mới sáng tạo và hội nhập.

1.4 Mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Quản lý kinh tế nhằm cung cấp cho xã hội đội ngũ lao động có phẩm chất chính trị vững vàng; nắm vững nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh; có đạo đức và sức khỏe tốt; có nền tảng kiến thức về kinh tế - xã hội vững chắc; có năng lực nghiên cứu, hoạch định chính sách và giải quyết linh hoạt các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế và quản lý; phát triển khả năng để học tập tiếp các bậc sau đại học và học tập suốt đời.

Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức

+ PO1: Cung cấp cho sinh viên kiến thức kinh tế và quản lý kinh tế theo hướng chuyên sâu, đủ khả năng tiếp cận và xử lý những công việc đảm nhận trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

+ PO2: Làm chủ kiến thức để có thể giải quyết những tình huống và các vấn đề thực tiễn về quản lý kinh tế trong các cơ quan quản lý kinh tế, các tổ chức kinh tế trong môi

trường toàn cầu hóa.

- Về kỹ năng:

+ PO3: Kỹ năng áp dụng những kiến thức chuyên sâu về kinh tế và quản lý kinh tế để giải quyết các vấn đề về kinh tế và quản lý kinh tế trong thực tiễn.

+ PO4: Kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy phân tích một cách độc lập, tổ chức công việc khoa học, lập kế hoạch, quản lý thời gian hiệu quả.

+ PO5: Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả, đàm phán, làm việc nhóm, soạn thảo văn bản, phân tích, dự báo, giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản lý kinh tế.

- Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

+ PO6: Tự tin, linh hoạt, trung thực, trách nhiệm, cẩn thận, tin cậy, chuyên nghiệp trong hoạt động chuyên môn; khả năng tổ chức, phối hợp và làm việc theo nhóm để hoàn thành những công việc được giao đạt yêu cầu.

+ PO7: Khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

1.5 Chuẩn đầu ra chung của chương trình đào tạo (PLOs)

Chương trình được thiết kế đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra chung của ngành như sau:

- Về kiến thức

+ PLO1: Trình bày được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật và các kiến thức về kinh tế và quản lý..

+ PLO2: Sử dụng kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản, kiến thức thống kê phục vụ công hoạt động kinh tế và quản lý kinh tế.

+ PLO3: Vận dụng các kiến thức kinh tế và quản lý trong giải quyết những vấn đề kinh tế và quản lý kinh tế.

+ PLO4: Phân tích các tình huống, chính sách kinh tế để đưa ra các lựa chọn đầu tư, phương án quản lý kinh tế theo vùng, lãnh thổ và theo ngành.

- Về kỹ năng:

+ PLO5: Kỹ năng vận dụng được các kiến thức về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, kiến thức kinh tế và quản lý kinh tế để phân tích, đánh giá các vấn đề về kinh tế và quản lý kinh tế.

+ PLO6: Sử dụng tiếng Anh thành thạo đạt trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

+ PLO7: Kỹ năng quản lý, điều hành tổ chức, cá nhân thực hiện các công việc theo nhiệm vụ hoặc theo kế hoạch đã định

+PLO8: Kỹ năng phân tích chính sách, dự báo kinh tế, giải quyết các vấn đề phát

sinh trong quản lý kinh tế.

- Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

+ PLO9: Có niềm tin, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

+ PLO10: Có thể làm việc độc lập, hoặc làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

Ma trận liên kết giữa Mục tiêu đào tạo và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo (POs)	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)									
	Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
PO1	✓				✓	✓				
PO2		✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓
PO3	✓	✓	✓	✓	✓					
PO4						✓	✓	✓		
PO5					✓	✓	✓	✓		
PO6									✓	
PO7										✓

2. Tiêu chí tuyển sinh:

Thực hiện theo đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Tài chính - Marketing và quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp:

3.1 Quy trình đào tạo: Thực hiện theo Quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ, Quyết định số 1421/QĐ-ĐHTCM ngày 30/5/2022 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ và Quyết định số 2033/QĐ-ĐHTCM ngày 08/8/2022 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM; và Quyết định số 1351/QĐ-ĐHTCM ngày 26/7/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học.

3.2 Điều kiện tốt nghiệp:

- **Điều kiện về tích lũy và điểm các học phần:** Thực hiện theo Quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính –

Marketing về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ, Quyết định số 1421/QĐ-ĐHTCM ngày 30/5/2022 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ và Quyết định số 2033/QĐ-ĐHTCM ngày 08/8/2022 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM; và Quyết định số 1351/QĐ-ĐHTCM ngày 26/7/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học.

- Điều kiện về kỹ năng mềm:

Sinh viên phải có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn (hoặc điểm đạt) tích lũy 3/6 kỹ năng mềm sau đây:

- Kỹ năng Tổ chức công việc và quản lý thời gian
- Kỹ năng Thuyết trình và làm việc nhóm
- Kỹ năng Giao tiếp hiệu quả
- Kỹ năng Giải quyết vấn đề và ra quyết định
- Kỹ năng Lập kế hoạch nghề nghiệp và tìm việc làm
- Kỹ năng Tư duy sáng tạo

- Điều kiện về ngoại ngữ:

Năm tuyển sinh	KNLNN 6 bậc Việt Nam	Khung tham chiếu Châu Âu CEFR	IELTS	TOFEL (PBT/CBT /iBT)	TOEIC	
					02 kỹ năng	04 kỹ năng
2021	3/6	B1	4.5	450/133/45	Nghe & Đọc: 450	Nghe & Đọc: 450 Nói & Viết: 200
2022, 2023	3/6	B1	4.5	477/153/53	Nghe & Đọc: 500	Nghe & Đọc: 500 Nói & Viết: 220
2024, 2025	3/6	B1	5.0	500/173/61	Nghe & Đọc: 550	Nghe & Đọc: 550 Nói & Viết: 240

- Điều kiện về tin học:

- Chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản (theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT) do các cơ sở giáo dục cấp theo sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Chứng chỉ tin học văn phòng quốc tế MOS cấp độ Specialist (MS. Word, MS. Excel) do Microsoft cấp;
- Bằng tốt nghiệp Đại học hoặc Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin hoặc Hệ

thống thông tin quản lý thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

4. Mô tả chương trình đào tạo:

4.1 Cấu trúc chương trình đào tạo:

STT	Khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ	
			Bắt buộc	Tự chọn
1	Kiến thức đại cương	34	34	0
2	Kiến thức cơ sở ngành	21	21	0
3	Kiến thức ngành	29	29	0
4	Kiến thức chuyên ngành	24	18	6
5	Kiến thức bổ trợ ngành	6	0	6
6	Tốt nghiệp	6	6	0
Tổng		120	108	12

Các khối kiến thức trong cấu trúc chương trình đào tạo trên bao hàm cả các khối kiến thức về lý luận chính trị, kiến thức kinh tế - xã hội, kiến thức ngành và chuyên ngành kinh tế, Cụ thể:

+ *Kiến thức đại cương*: tổng khối kiến thức này có 34 tín chỉ, bao gồm các nhóm kiến thức về lý luận chính trị (11 tín chỉ), pháp luật (3 tín chỉ), ngoại ngữ (12 tín chỉ) và toán – tin học (8 tín chỉ). Trong đó: Kiến thức về lý luận chính trị chủ yếu trang bị cho người học các kiến thức về Triết học, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam và Chủ nghĩa xã hội khoa học; Kiến thức pháp luật: chủ yếu trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về pháp luật; Kiến thức ngoại ngữ: chủ yếu trang bị cho người học kiến thức về tiếng Anh khái quát theo các cấp độ; Kiến thức toán – tin học: trang bị cho người học những kiến thức về Toán và Tin học. Với khối kiến thức đại cương này sẽ giúp người học có được các kiến thức cơ bản về có chính trị, kinh tế, tự nhiên xã hội, công nghệ, ... từ đó người học đánh giá và nhận thức được bối cảnh môi trường xã hội tác động đến ngành nghề mà họ đã và sẽ học tập, nghiên cứu và làm việc.

+ *Kiến thức cơ sở ngành*: tổng khối kiến thức này có 21 tín chỉ, bao gồm các học phần cung cấp các kiến thức về kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, tiền tệ ngân hàng và thị trường tài chính, lý thuyết xác suất thống kê ứng dụng, quản trị học, nguyên lý marketing và nguyên lý kế toán. Đây là các kiến thức nền tảng để người học hiểu được sự vận động của cơ chế thị trường, nguyên lý vận hành cũng như sự tác động của các chính sách kinh tế, chính sách quản lý của nhà quản trị và nguyên lý hạch toán các giao dịch sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế.

+ *Kiến thức ngành*: tổng khối kiến thức này có 29 tín chỉ, bao gồm các học phần cung cấp các kiến thức đặc trưng và cơ bản của ngành kinh tế như: Kinh tế vi mô ứng dụng trong Quản lý kinh tế; Kinh tế vĩ mô ứng dụng trong Quản lý kinh tế; Kinh tế lượng; Kinh tế đầu tư; Kinh tế quốc tế; Kinh tế môi trường và Quản lý tài nguyên; Kinh tế phát triển; kinh tế công cộng; Phân tích và dự báo kinh tế; Thực hành nghề nghiệp 1. Các học phần

này giúp vừa cung cấp kiến thức lý thuyết khoa học, đồng thời trang bị cho người học kiến thức thực tế của từng môn học thông qua thực hành tích hợp. Đặc biệt, học phần thực hành nghề nghiệp 1 cho người học cơ hội thực hành nghề nghiệp tại các cơ quan quản lý kinh tế hoặc tổ chức kinh tế.

+ *Kiến thức chuyên ngành*: tổng khối kiến thức này có 24 tín chỉ, bao gồm các học phần cung cấp các kiến thức chuyên sâu về Quản lý kinh tế gồm: Pháp luật về quản lý kinh tế; Quản lý nhà nước về kinh tế; Marketing địa phương; Chính sách kinh tế; Thẩm định và quản lý dự án đầu tư công. Học phần thực hành nghề nghiệp 2 cho người học cơ hội thực hành nghề nghiệp về quản lý kinh tế tại các cơ quan quản lý kinh tế hoặc tổ chức kinh tế. Đặc biệt 4 học phần tự chọn: Quản lý phát triển địa phương; Kế toán hành chính sự nghiệp; Kế toán quản trị; Phân tích tài chính được chia thành 2 nhóm giúp người học định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.

+ *Kiến thức bổ trợ*: tổng khối kiến thức này có 6 tín chỉ, bao gồm các học phần cung cấp các kiến thức bổ trợ chuyên ngành Quản lý kinh tế gồm: Đàm phán trong QLKT; Quản lý hành chính văn phòng; Kinh doanh quốc tế 1; Quản trị nguồn nhân lực nhằm bổ trợ các khối kiến thức ngành và chuyên ngành Quản lý kinh tế.

+ *Kiến thức tốt nghiệp*: tổng khối kiến thức này có 6 tín chỉ, yêu cầu người học đến các cơ quan, đơn vị hoặc doanh nghiệp để tiếp cận công việc, học hỏi thực tế và viết chuyên đề tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của giảng viên. Trường hợp người học đủ điều kiện để thực hiện Khóa luận tốt nghiệp thì sau khi hoàn thành đợt thực tập sẽ nộp Khóa luận tốt nghiệp. Trường hợp người học không đủ điều kiện thực hiện Khóa luận tốt nghiệp vẫn phải đến các cơ quan, đơn vị hoặc doanh nghiệp để thực tập nhưng nộp về báo cáo thực tập tốt nghiệp đồng thời học thêm 1 học phần thực hành có thời lượng 3 tín chỉ để bổ sung kiến thức trước khi tốt nghiệp.

Ngoài ra các khối kiến thức trên, người học còn phải rèn luyện thể chất và trang bị các kiến thức về an ninh quốc phòng.

Ma trận mối liên hệ giữa các khối kiến thức với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Khối kiến thức	Số tín chỉ	Tỷ lệ trong CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)									
			Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
Kiến thức đại cương	34	28,3%	X	X			X	X				X
Kiến thức cơ sở	21	17,5%		X			X					X

Khối kiến thức	Số tín chỉ	Tỷ lệ trong CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)									
			Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
ngành												
Kiến thức ngành	29	24,2%			X	X			X	X	X	X
Kiến thức chuyên ngành	24	20,0%				X			X	X	X	X
Kiến thức bổ trợ ngành	6	5,0%			X		X				X	X
Tốt nghiệp	6	5,0%		X	X	X	X	X		X	X	

4.2 Danh sách các học phần:

4.2.1 Kiến thức giáo dục đại cương: 34 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (120 tín chỉ)					Ghi chú
				LT	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	TH tại PM, PMP, DN	Tự học	
a. Kiến thức lý luận chính trị: 11 tín chỉ									
1	011134	Triết học Mác – Lênin	3	2	1	0	0	105	
2	011135	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	1	1	0	0	70	
3	011136	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1	1	0	0	70	
4	011137	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1	1	0	0	70	
5	010016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1	1	0	0	70	
b. Kiến thức pháp luật: 3 tín chỉ									
6	010018	Pháp luật đại cương	3	2	1	0	0	105	
c. Ngoại ngữ: 12 tín chỉ									
7	011270	Anh văn tổng quát 1	3	2	1	0	0	105	
8	011271	Anh văn tổng quát 2	3	2	1	0	0	105	
9	011272	Anh văn tổng quát 3	3	2	1	0	0	105	

10	011273	Anh văn tổng quát 4	3	2	1	0	0	105	
d. Toán – Tin học: 8 tín chỉ									
11	010025	Toán cao cấp	4	3	1	0	0	140	
12	011322	Tin học ứng dụng	4	1	2	0	1	125	
e. Chương trình Giáo dục Quốc phòng – An ninh: (không tính vào tổng khối lượng chương trình đào tạo)									
f. Chương trình Giáo dục thể chất: (không tính vào tổng khối lượng chương trình đào tạo)									

4.2.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 80 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (120 tín chỉ)					Ghi chú
				LT	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	TH tại PM, PM P, DN	Tự học	
a. Kiến thức cơ sở ngành: 21 tín chỉ									
13	010031	Kinh tế vi mô 1	3	2	1	0	0	105	
14	010032	Kinh tế vĩ mô 1	3	2	1	0	0	105	
15	010038	Nguyên lý kế toán	3	2	1	0	0	105	
16	010630	Nguyên lý marketing	3	2	1	0	0	105	
17	010033	Quản trị học	3	2	1	0	0	105	
18	010873	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1	3	2	1	0	0	105	
19	011140	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng.	3	2	1	0	0	105	
b. Kiến thức ngành: 29 tín chỉ									
Học phần bắt buộc									
20	010941	Kinh tế vi mô ứng dụng trong QLKT	3	2	1	0	0	105	
21	010937	Kinh tế vĩ mô ứng dụng trong QLKT	3	2	1	0	0	105	
22	011391	Kinh tế lượng	3	1	0	2	0	75	
23	011163	Kinh tế đầu tư	3	2	1	0	0		
24	010570	Kinh tế quốc tế	3	2	1	0	0	105	
25	011353	Kinh tế môi trường và quản lý tài nguyên	2	1	0	1	0	55	
26	010872	Kinh tế phát triển	3	2	1	0	0	105	
27	011360	Kinh tế công cộng	3	2	1	0	0	105	
28	011370	Phân tích và dự báo kinh tế	3	2	0	1	0	90	

29	011361	Thực hành nghề nghiệp 1	3	0	0	0	3	0	
c. Kiến thức chuyên ngành: 24 tín chỉ									
Học phần bắt buộc									
30	011362	Pháp luật quản lý kinh tế	3	2	0	1	0	90	
31	011354	Quản lý nhà nước về kinh tế	3	2	0	1	0	90	
32	010622	Marketing địa phương	3	2	1	0	0	105	
33	011363	Chính sách kinh tế	3	2	0	1	0	90	
34	011364	Thẩm định và quản lý dự án đầu tư	3	2	0	1	0	90	
35	011365	Thực hành nghề nghiệp 2	3	0	0	0	3	0	
Học phần tự chọn: Chọn 1 trong 2 nhóm									
Nhóm 1: định hướng làm việc khu vực công									
36	011355	Quản lý tài chính công	3	2	0	1	0	90	Nhóm 1
37	010315	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	2	1	0	0	105	
Nhóm 2: định hướng làm việc khu vực tư nhân									
38	010697	Kế toán tài chính 1	3	2	1	0	0	105	Nhóm 2
39	011356	Phân tích tài chính	3	2	0	1	0	90	
d. Kiến thức bổ trợ ngành: 6 tín chỉ									
40	011357	Đàm phán trong QLKT	3	2	0	1	0	90	Chọn 1 trong 2 học phần
41	011358	Quản trị nguồn nhân lực	3	2	0	1	0	90	
42	011366	Quản lý hành chính văn phòng	3	2	0	1	0	90	Chọn 1 trong 2 học phần
43	011359	Kinh doanh quốc tế 1	3	2	0	1	0	90	

4.3.3 Tốt nghiệp: 6 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (120 tín chỉ)					Ghi chú
				LT	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	TH tại PM, MP, DN	Tự học (giờ)	
44	011368	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	0	0	6	0	

II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp												
2.1 Kiến thức cơ sở ngành												
010031	Kinh tế vi mô 1	I				R					R	
010032	Kinh tế vĩ mô 1	I				R					R	
010038	Nguyên lý kế toán	R				R						
010630	Nguyên lý marketing	I				R					R	
010033	Quản trị học	I				I						R
010873	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1	I				R					M	
011140	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng	I				R						
2.2 Kiến thức ngành												
010941	Kinh tế vi mô ứng dụng trong QLKT		M	M		M				M	R	R
010937	Kinh tế vĩ mô ứng dụng trong QLKT		M	M		M				M	R	R
011391	Kinh tế lượng		R	R		R						R
011163	Kinh tế đầu tư			M	M	M		M			M	M
010570	Kinh tế quốc tế	M			R	M					M	M
011353	Kinh tế môi trường và quản lý tài nguyên			M						M	M	
010872	Kinh tế phát triển	M			R	M					M	M
011360	Kinh tế công cộng				M					M	M	
011370	Phân tích và dự báo kinh tế			M	M	M				M	M	
011361	Thực hành nghề nghiệp 1		M	M	M	M				M	M	M
2.3 Kiến thức chuyên ngành												
011362	Pháp luật quản lý kinh tế	R		R	R			M			R	
011354	Quản lý nhà nước về kinh tế			M	M			M			M	
010622	Marketing địa phương			M	A					M	M	M
011363	Chính sách kinh tế			M	M					M	M	
011364	Thẩm định và quản lý dự án đầu tư			M	A					M	M	
011365	Thực hành nghề nghiệp 2	R		M	M	M				M	M	
011355	Quản lý tài chính công			M	A					M	M	
010315	Kế toán hành chính sự nghiệp			M	M					M	M	
010697	Kế toán tài chính 1			M	M			R			M	M
011356	Phân tích tài chính			M	M			R			M	M
2.3 Kiến thức bổ trợ ngành												
011357	Đàm phán trong QLKT			M		M					M	M
011366	Quản lý hành chính văn phòng			M		M					M	
011359	Kinh doanh quốc tế 1			M				M			M	

011358	Quản trị nguồn nhân lực			M				M		M	
III. Tốt nghiệp											
011368	Khóa luận tốt nghiệp	M	A	A	A	A	A	A	A	A	A
Hoặc											
011369	Thực tập tốt nghiệp		M	A	A	A		A	A	A	
011367	Học phần thay thế Tình huống quản lý kinh tế	M	A	A	A	A	A	A	A	A	A

Chú thích: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

5. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1. Triết học Mác-Lênin

Tín chỉ: 3

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

- Học phần giúp xác lập thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin cho sinh viên.

- Sau khi lĩnh hội tri thức Triết học Mác-Lênin, sinh viên tự tin vào năng lực tư duy lý luận của mình để từng bước nhận thức về bản thân, đánh giá các sự vật, sự việc, các vấn đề trong công việc một cách khách quan trong sự vận động, biến đổi, phát triển của chúng.

- *Tóm tắt nội dung của học phần:*

Học phần trình bày khái lược các nội dung trọng tâm và quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa Mác-Lênin nhằm đưa đến ra cái nhìn tổng quát về đối tượng và phạm vi của môn học và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội; Giới thiệu những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận triết học Mác-Lênin vừa là điều kiện tiên quyết để nghiên cứu toàn bộ hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, vừa là điều kiện cơ bản để vận dụng nó một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn để giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra. Học phần giúp người học hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1 (I), PLO5 (R), PLO9 (I).

5.2 Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Tín chỉ: 2

- ❖ Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Có kiến thức lý luận căn bản của kinh tế chính trị Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trên cơ sở đó tiếp cận các môn khoa học kinh tế ngành và các môn khoa học khác. Có khả năng phân tích, giải thích, so sánh được và vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội. Từ đó xây dựng niềm tin lý tưởng cách mạng, đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm, thái độ tích cực, chủ động để đáp ứng tốt hơn cho công việc của mình.

- *Tóm tắt nội dung của học phần:*

Học phần trình bày khái quát sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Sự ra đời phát triển của sản xuất hàng hóa; nguồn gốc, bản chất và chức năng cơ bản của tiền; dịch vụ và các hàng hóa đặc biệt; thị trường và các chủ thể tham gia thị trường. Sự sản xuất giá trị thặng dư là cơ sở tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản; sự tích lũy tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư. Lý luận của Lenin về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; vấn đề độc quyền và độc quyền nhà nước. Tính tất yếu khách quan và đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay; vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam hiện nay. Công nghiệp hóa – hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển của khoa học công nghệ hiện nay.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1 (I), PLO5 (R), PLO9 (R).

5.3 Chủ nghĩa xã hội khoa học

Tín chỉ: 2

- ❖ Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên phân tích được những quy luật, tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa; vận dụng kiến thức đã học để giải thích những vấn đề thực tiễn chính trị - xã hội trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; xác lập căn cứ nhận thức khoa học để luôn cảnh giác, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch, những tuyên truyền chống phá của các thế lực phản động đối với Đảng, Nhà nước, chủ nghĩa xã hội; hình thành thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, từ đó, củng cố niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- *Tóm tắt nội dung của học phần:*

Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu những quy luật chính trị - xã hội của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới. Nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học nhằm làm rõ quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học; đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những vấn đề lý luận cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học, đó là: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1 (I), PLO5 (R), PLO9 (I).

5.4 Tư tưởng Hồ Chí Minh

Tín chỉ: 2

- ❖ Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học.
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có khả năng: Hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa; Hình thành tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống; Nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

▪ *Tóm tắt nội dung của học phần:*

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm những nội dung cụ thể sau: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1 (R), PLO5 (R), PLO9 (R).

5.5 Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam

Tín chỉ: 2

- ❖ Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần sinh viên trình bày được sự ra đời và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam và những chủ trương, đường lối cách mạng của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng từ khi Đảng ra đời cho đến nay; Sinh viên có kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng. Qua đó, giáo dục lý tưởng, truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng và của dân tộc; xây dựng thái độ chính trị đúng đắn; củng cố, bồi đắp niềm tin của sinh viên đối với sự lãnh đạo của Đảng.

▪ *Tóm tắt nội dung của học phần:*

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một học phần thuộc các môn khoa học lý luận chính trị. Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó khẳng định thành công, nêu lên hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1 (I), PLO5 (R), PLO9 (R).

5.6 Pháp luật đại cương

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật, biết tìm kiếm và vận dụng những quy phạm pháp luật có liên quan để xử lý các vấn đề pháp lý thông dụng. Từ đó, người học có nền tảng kiến thức vững vàng để học tiếp các học phần pháp luật khác; đồng thời, hình thành ý thức pháp luật tốt trong công việc và đời sống.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần gồm hai phần: phần đầu chuyên tải các vấn đề cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật (như nguồn gốc, bản chất, thuộc tính, chức năng; hình thức của nhà nước và pháp luật; hệ thống pháp luật, quan hệ pháp luật; thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý). Phần 2 cung cấp khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh... và nội dung cơ bản của các chế định quan trọng của một số ngành luật thuộc lĩnh vực pháp luật tư.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5(R)

5.7 Tiếng Anh tổng quát 1**Tín chỉ: 3**

- ❖ Điều kiện tiên quyết: Đạt điểm thi Tiếng Anh đầu vào TOEIC ≥ 300
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản về ngữ pháp cùng với nguồn từ vựng phong phú về các chủ đề như du lịch, mua sắm, giao tiếp, giáo dục, việc làm, để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ và hình thành phản xạ giao tiếp tiếng Anh ở cấp độ tiền trung cấp (A2-B1), vận dụng kiến thức đã học vào các công việc liên quan đến đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi viết các đoạn văn ngắn, giao tiếp tốt trong những tình huống quen thuộc. Bên cạnh đó, sinh viên cũng phát triển kỹ năng làm việc theo cặp, nhóm, và thái độ tích cực, chủ động đáp ứng tốt cho công việc trong tương lai.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Tiếng Anh tổng quát 1 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xây dựng dành cho sinh viên năm 1 không chuyên ngữ theo học chương trình Chuẩn. Học phần cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, ngữ pháp và cấu trúc câu được sử dụng thường xuyên qua các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống như du lịch, mua sắm, giao tiếp, giáo dục, việc làm.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO6 (R)

5.8 Tiếng Anh tổng quát 2**Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Tiếng Anh tổng quát 1
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức ngôn ngữ đã học để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ và hình thành phản xạ giao tiếp tiếng Anh ở cấp độ trung cấp (B1), vận dụng kiến thức đã học vào các công việc liên quan đến đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi viết các đoạn văn ngắn, giao tiếp tốt trong những tình huống quen thuộc. Bên cạnh đó, sinh viên cũng phát triển kỹ năng làm việc theo cặp, nhóm, và thái độ tích cực, chủ động đáp ứng tốt cho công việc trong tương lai.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Tiếng Anh tổng quát 2 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xây dựng dành cho sinh viên năm 1 không chuyên ngữ theo học chương trình Chuẩn. Học phần cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, ngữ pháp và cấu trúc câu được sử dụng thường xuyên qua các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống như giải trí, sức khỏe, thực phẩm, tệ nạn xã hội và thế giới tự nhiên.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO6 (R)

5.9 Tiếng Anh tổng quát 3**Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Tiếng Anh tổng quát 2
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên vận dụng được các kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh ở cấp độ tiền trung cấp vào việc thiết kế các cuộc phỏng vấn ngắn, giải quyết các tình huống trong công việc; áp dụng kiến thức đã học vào các công việc liên quan đến đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi viết các đoạn văn ngắn, email, tin nhắn phản hồi trong những tình huống quen thuộc về môi trường kinh doanh. Bên cạnh đó, các hoạt động làm việc theo cặp, nhóm giúp sinh phát triển kỹ năng làm việc thực tế như đàm phán, thuyết trình, xây dựng mối quan hệ, nhận thức về phong cách giao tiếp và giải quyết các vấn đề giao tiếp thông thường, từ đó sinh viên phát huy thái độ tích cực, chủ động, đáp ứng tốt hơn cho công việc trong tương lai.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Tiếng Anh tổng quát 3 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xây dựng dành cho sinh viên năm 2 không chuyên ngữ theo học chương trình Chuẩn sau khi đã hoàn thành chương trình của học phần Tiếng Anh tổng quát 1 và học phần Tiếng Anh tổng quát 2. Học phần này cũng cung cấp cho sinh viên kiến thức giao tiếp thực tế trong môi trường làm việc thể hiện qua nội dung trong các bài tập tình huống cụ thể tại công sở, cung cấp kiến thức từ vựng tiếng Anh chuyên ngành về kinh tế, tập trung vào các mảng đề tài như: mô tả công việc, giới thiệu bản thân trong buổi phỏng vấn xin việc, mô tả về công ty, mô tả về sản phẩm, các hoạt động liên quan đến marketing, tài chính, kinh doanh quốc tế ... Sinh viên hiểu và vận dụng được từ vựng về các chủ đề trong lĩnh vực kinh tế để chuẩn bị tốt cho việc học chuyên ngành vào những học kỳ sau.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO6 (R)

5.10 Tiếng Anh tổng quát 4

Tín chỉ: 3

- ❖ Học phần học trước: Tiếng Anh tổng quát 3
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên phát triển và vận dụng tốt các kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp trong kinh doanh ở cấp độ tiền trung cấp thông qua việc thực hành tất cả các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết, như giới thiệu bản thân một cách tự tin trong các cuộc phỏng vấn việc làm, xử lý các tình huống trong công việc; vận dụng kiến thức đã học vào các công việc liên quan đến đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi viết các đoạn văn, email, tin nhắn phản hồi trong những tình huống quen thuộc, và phát triển sự hiểu biết của sinh viên về thế giới kinh doanh. Bên cạnh đó, sinh viên phát triển kỹ năng thực tế bao gồm đàm phán, thuyết trình, xây dựng mối quan hệ, nhận thức về phong cách giao tiếp và cách xử lý tốt nhất các vấn đề giao tiếp thông qua các hoạt động làm việc theo cặp, nhóm, từ đó xây dựng cho sinh viên thái độ tích cực, chủ động đáp ứng tốt hơn cho công việc trong tương lai.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Tiếng Anh tổng quát 4 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xây dựng dành cho sinh viên năm 2 không chuyên ngữ theo học chương trình Chuẩn. Học phần này cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh chuyên ngành về kinh tế, tập trung vào các mảng đề tài như: mô tả vị trí việc làm, mô tả về thị trường và nhu cầu của thị trường, công việc sản xuất; các hoạt động liên quan đến marketing; tài chính; kinh doanh quốc tế; môi trường làm việc. Sinh viên được trang bị từ vựng về các chủ đề trong lĩnh vực kinh tế để chuẩn bị tốt cho việc học chuyên ngành vào những học kỳ sau.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO6 (R)

5.11 Toán cao cấp

Tín chỉ: 4

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu được các kiến thức về cơ sở toán học, vận dụng các công cụ toán trong phân tích kinh tế và tài chính. Nắm vững kiến thức nền tảng để nghiên cứu và áp dụng trong các học phần tiếp theo.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần tập trung vào các nội dung về kiến thức đại cương về tập hợp, quan hệ và logic suy luận, cũng như các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích toán học thực sự cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân tích quá trình ra quyết định trong kinh tế và quản lý: Không gian vectơ; Ma trận và định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Hàm số và giới hạn; Phép tính vi phân đối với hàm số một biến; Hàm nhiều biến; Các bài toán cực trị; phép tính tích phân; Phương trình vi phân.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1 (I); PLO5(R)

5.12 Tin học ứng dụng

Tín chỉ: 4

- ❖ Học phần học trước: không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên phát triển nâng cao các kỹ năng số cần thiết như soạn thảo văn bản đúng kỹ thuật; thiết kế báo cáo khoa học đạt chuẩn; soạn bài thuyết trình ấn tượng; khai thác xử lý dữ liệu với bảng tính, tìm kiếm tài liệu trên Internet hiệu quả, từ đó ứng dụng vào những hoạt động học tập cũng như làm việc sau này. Bên cạnh đó, sinh viên còn vận dụng được các kiến thức và kỹ năng cần thiết như khai thác sử dụng không gian đám mây (cloud); sử dụng các phần mềm trực tuyến (online app); thiết kế biểu mẫu khảo sát trực tuyến (online survey) và thu thập, xử lý kết quả khảo sát để thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Tin học ứng dụng phát triển kỹ năng soạn thảo văn bản đúng kỹ thuật, đúng quy cách; trình bày báo cáo khoa học; soạn bài thuyết trình ấn tượng; xử lý dữ liệu với bảng tính, phân tích dữ liệu, tìm kiếm tài liệu trên Internet. Thông qua học phần này, người học có thể phát triển các kỹ năng số như khai thác không gian đám mây; sử dụng các phần mềm trực tuyến; thiết kế biểu mẫu khảo sát trực tuyến. Ngoài ra, học phần cũng trang bị cho người học các kiến thức thích ứng Cách mạng công nghiệp 4.0 như chuyển đổi số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, chuỗi khối, Internet vạn vật và các công nghệ nổi bật khác trong kỷ nguyên số. Bên cạnh đó, học phần Tin học ứng dụng đảm bảo cung cấp các kiến thức hỗ trợ chuẩn đầu ra Tin học của trường.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2 (R)

5.13 Kinh tế vi mô 1 Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu được các khái niệm cung cầu, cách thức ra quyết định của người tiêu dùng, sự vận hành của các loại thị trường; Cách thức ra quyết định của các doanh nghiệp trong các loại thị trường.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Kinh tế vi mô 1 tập trung vào một số nội dung quan trọng như những vấn đề kinh tế cơ bản về thị trường: Lý thuyết cầu, cung; Độ co giãn cầu cung, Lý thuyết hành vi người tiêu dùng; Lý thuyết về sản xuất, chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp; Quan hệ cung cầu về lao động, vốn, đất đai trên thị trường các yếu tố đầu vào; Các quyết định về giá, sản lượng và chiến lược cạnh tranh của doanh nghiệp hoạt động trên các thị trường khác nhau cũng như những hạn chế của kinh tế thị trường và sự can thiệp của Chính phủ.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5(R), PLO9(R).

5.14 Kinh tế vĩ mô 1 Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu được cách thức vận hành của tổng thể nền kinh tế; nhận biết được những chỉ tiêu đo lường các biến kinh tế vĩ mô; giải thích mối quan hệ tương tác giữa các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và đánh giá tác động của các chính sách của chính phủ để điều tiết nền kinh tế giúp cho nền kinh tế ổn định, tăng trưởng...

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần kinh tế vĩ mô 1 giới thiệu một số nội dung cơ bản như Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; Tổng cầu và chính sách tài khóa; Tiền tệ và chính sách tiền tệ; Tổng cung và chu kỳ kinh doanh; các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế; Thất

nghiệp và lạm phát; Tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; Phân tích các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái, chính sách thương mại và các phối hợp chính sách kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5(R), PLO9(R).

5.15 Nguyên lý kế toán Tín chỉ: 3

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

- Hiểu rõ những nội dung cơ bản về kế toán.
- Vận dụng quy trình và các phương pháp kế toán để xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp.
- Có ý thức tuân thủ những nguyên tắc, quy định pháp lý của kế toán. Tự chủ trong việc đưa ra các ý kiến, nhận xét về các tình huống liên quan đến kế toán.

▪ *Tóm tắt nội dung học phần:* Nguyên lý kế toán là học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán; vận dụng các phương pháp kế toán để phản ánh quá trình hoạt động kinh doanh căn bản của một đơn vị. Các phương pháp kế toán được đề cập đến gồm: Chứng từ kế toán, kiểm kê, tính giá đối tượng kế toán, tài khoản, ghi sổ kép và tổng hợp cân đối kế toán. Những nền tảng kiến thức cơ bản về kế toán của học phần giúp cho người học có thể tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về kế toán kiểm toán, đồng thời có thể vận dụng để hỗ trợ các lĩnh vực chuyên môn thuộc khối ngành kinh tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1 (R), PLO5 (R)

5.16 Nguyên lý marketing Tín chỉ: 3

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về marketing bao gồm khái niệm, vai trò, nguyên tắc, quy trình và các nội dung phối thức marketing. Trên cơ sở các kiến thức căn bản, sinh viên có thể nhận dạng, phân biệt các hoạt động marketing trên thực tế. Bên cạnh đó, sinh viên có thể đề xuất và đánh giá các hoạt động marketing của doanh nghiệp. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên cũng có thể phát huy kỹ năng học tập và tự nghiên cứu sâu hơn về marketing cũng như sẵn sàng hướng dẫn hỗ trợ người khác trong việc nghiên cứu và thực hành các hoạt động marketing ở cấp độ căn bản.

▪ *Tóm tắt nội dung học phần:*

Nội dung học phần Nguyên lý marketing bao gồm 9 chương, trước hết làm rõ các khái niệm cơ bản của marketing như khái niệm, vai trò, chức năng và quy trình marketing, khái niệm về phối thức marketing, các vấn đề đạo đức trong hoạt động marketing cũng

như các thay đổi của marketing trong bối cảnh hiện tại. Học phần cũng phân tích nội dung các hoạt động marketing như phân tích môi trường marketing, phân tích hành vi khách hàng thông qua hoạt động nghiên cứu thị trường, chọn thị trường mục tiêu, xây dựng chiến lược marketing và các chiến lược bộ phận gồm chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá, chiến lược phân phối và chiến lược chiêu thị.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5(R), PLO9(R).

5.17 Quản trị học

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần, người học hình thành được kiến thức lý thuyết và thực tế tổng quan về hoạt động quản trị của tổ chức như phân tích môi trường quản trị, công tác lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, lãnh đạo, kiểm tra và đánh giá kết quả công việc. Bên cạnh các kiến thức cơ bản, những kỹ năng quản trị sẽ giúp cho người học phát triển khả năng phân tích, giải quyết các vấn đề trong tổ chức nhằm hướng đến hiệu quả cao và sự bình ổn tương đối của tổ chức. Người học có khả năng vận dụng các kiến thức, kỹ năng quản trị để thực hiện một số công việc, có tinh thần trách nhiệm, hợp tác làm việc của cá nhân và của nhóm để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp liên quan trong thực tế công việc sau này.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Quản trị học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành quản trị kinh doanh và các ngành khác thuộc khối kinh tế. Quản trị học là học phần nghiên cứu các chức năng quản trị trong tổ chức bao gồm hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, và kiểm soát. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hành các chức năng quản trị trong thực tiễn hoạt động của các tổ chức. Đồng thời, học phần này tạo tiền đề cho người học trong việc đề xuất các phương án và cách thức giải quyết vấn đề về quản trị của tổ chức.

Hình thức tổ chức dạy học: sinh viên học lý thuyết trên lớp với giảng viên; đồng thời thực hành những kỹ năng quản trị thông qua các bài tập, thảo luận nhóm với sự hướng dẫn và giám sát của giảng viên phụ trách học phần trong và ngoài giờ học.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5 (I), PLO10 (R)

5.18 Tiền tệ - Ngân hàng và thị trường tài chính 1

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1, kinh tế vĩ mô 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể hiểu các vấn đề liên quan đến tiền tệ, lạm phát, tín dụng, lãi suất, tỷ giá và các vấn đề liên quan đến hệ thống tài chính; cách

thức hoạt động của ngân hàng thương mại và ngân hàng trung ương trong hệ thống tài chính. Sinh viên tính toán và giải quyết được các bài toán kinh tế cơ bản như tính lãi suất, tỷ suất sinh lợi, lựa chọn cơ hội đầu tư cũng như đưa ra được những nhận định cá nhân về các vấn đề liên quan đến tiền tệ, ngân hàng, thị trường tài chính thông qua các tình huống thực tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Nội dung môn học sẽ khái quát các phạm trù liên quan đến Tài chính – Tiền tệ - Ngân hàng, các thuật ngữ gắn liền với các hoạt động kinh tế diễn ra hàng ngày: Tiền tệ, lãi suất, tín dụng ngân hàng, tỷ giá, lạm phát, vốn,... Bên cạnh thị trường hàng hóa, dịch vụ, còn có các thị trường tài chính, là những cấu phần không thể thiếu trong nền kinh tế và cũng là thị trường tác động mạnh mẽ đến hiệu quả của cả nền kinh tế. Các thị trường này điều tiết dòng vốn cho mọi hoạt động kinh tế, cung cấp thêm cơ hội đầu tư, công cụ phòng vệ rủi ro đồng thời góp phần làm tăng thanh khoản cho cả nền kinh tế. Các thị trường tài chính tiêu biểu gồm: thị trường trái phiếu, thị trường cổ phiếu, thị trường tiền tệ, thị trường vốn,... Học phần cũng đưa ra những bài thực hành cơ bản về đầu tư như: tính tỷ suất sinh lợi của một khoản đầu tư, so sánh các cơ hội đầu tư, so sánh giữa lợi ích và rủi ro, đưa ra các quyết định đầu tư cơ bản dựa trên các tín hiệu thị trường.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO01(I), PLO05(R), PLO09(M)

5.19 Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng

Tín chỉ: 3

- ❖ Học phần học trước: Toán cao cấp.
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu được các kiến thức cơ bản về đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết về mẫu ngẫu nhiên, bài toán ước lượng và kiểm định thống kê. Xây dựng và đưa ra các mô hình xác suất và thống kê để giải quyết các bài toán liên quan trong lĩnh vực kinh tế, tài chính và quản trị.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Phần lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của hiện tượng ngẫu nhiên và cách tính xác suất của biến cố ngẫu nhiên cùng các đặc trưng của biến ngẫu nhiên. Phần thống kê toán bao gồm các nội dung: Mẫu ngẫu nhiên, Ước lượng tham số của mẫu, kiểm định giả thuyết thống kê và ứng dụng trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1 (I); PLO5(R)

5.20. Kinh tế vi mô ứng dụng trong quản lý kinh tế: 3 TC

- ❖ Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô 1
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
 - *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học có được những kiến thức nâng cao về kinh tế học vi mô dùng để phân tích phúc lợi xã hội khi có những chính sách của chính phủ và tác động của các chính sách đối với thị trường. Học phần này còn ứng dụng lý thuyết kinh tế học trong bảo hiểm, kế toán; ứng dụng lý thuyết kinh tế vi mô trong ra quyết định quản lý. Ngoài ra, cũng đi sâu phân tích những thất bại của thị trường như: bất cân xứng thông tin, ngoại tác, hàng hóa công, chiến lược định giá khi có sức mạnh thị trường doanh nghiệp

- *Tóm tắt nội dung* : Học phần này trang bị cho người học những kiến thức nâng cao về kinh tế học vi mô dùng để phân tích tác động đối với phúc lợi xã hội khi có những chính sách của chính phủ (như: thuế, trợ giá, hạn ngạch, . . .) tác động đối với thị trường, cũng đi sâu phân tích những thất bại của thị trường như: bất cân xứng thông tin, ngoại tác, hàng hóa công, chiến lược định giá khi có sức mạnh thị trường của các doanh nghiệp. Từ đó, giúp người học có khả năng hiểu và phân tích tác động của các chính sách đối với từng thị trường, đề ra quyết sách.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO2 (M), PLO3 (M), PLO5 (M), PLO8 (M), PLO9 (M), PLO10 (M)

5.21. Kinh tế vi mô ứng dụng trong quản lý kinh tế: 3TC

- ❖ Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1.
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần*:

Sau khi học xong học phần này, người học có được những kiến thức nâng cao về kinh tế học vi mô dùng giúp người học có thể phân tích, bình luận, phản biện hoặc ứng xử với chính sách kinh tế vi mô của chính phủ, dự báo tác động của các chính sách đối với các hoạt động kinh tế.

- *Tóm tắt nội dung*: Học phần này nhằm giúp người học ứng dụng các lý thuyết kinh tế vi mô vào thực tế để hiểu và phân tích thực trạng của các nền kinh tế, cũng như sẽ giới thiệu các mô hình kinh tế được sử dụng để phân tích hiệu quả của các chính sách kinh tế vi mô trong thực tế. Từ đó, giúp người học có khả năng hiểu, phân tích và dự báo được tác động của các chính sách kinh tế vi mô trong đời thực, nhằm giúp cho nhà kinh tế, quản lý có cơ sở khoa học để ra quyết định.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO2 (M), PLO3 (M), PLO5 (M), PLO8 (M), PLO9 (M), PLO10 (M)

5.22. Kinh tế lượng: 3TC

- ❖ Học phần học trước: Lý thuyết xác suất thống kê toán, Kinh tế vi mô 1
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần*:

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về phân tích tương quan và hồi quy; xây dựng mô hình ước lượng và kiểm định cho các hệ số hồi quy; Kiểm định sự phù hợp của mô hình và các giả thuyết trên các mô hình. Ứng dụng vào phân tích và dự báo cho các vấn đề liên quan đến Tài chính, kinh tế và quản trị. Làm công cụ nền tảng cho các học phần

sau.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy một phương trình, cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như về kinh tế của mô hình. Học phần còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt Nam.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO2 (M), PLO3 (R), PLO5 (R), PLO10 (M)

5.23. Kinh tế đầu tư: 3TC

❖ Học phần học trước: Kinh tế vĩ mô 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Giúp người học hiểu được bản chất kinh tế của hoạt động đầu tư và quy trình của hoạt động đầu tư việc lập kế hoạch, tổ chức quản lý, triển khai hoạt động đầu tư và đánh giá kết quả đầu tư; đặc biệt là người học nắm bắt và vận dụng được những kiến thức trong các vấn đề quan hệ quốc tế của hoạt động đầu tư, từ góc độ tổng quát cũng như trong từng hoạt động cụ thể.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đầu tư phát triển kinh tế như xem xét các nguồn vốn và các giải pháp huy động các nguồn vốn đó cho đầu tư phát triển, xem xét các nội dung của vốn đầu tư và phân loại các hoạt động đầu tư nhằm đáp ứng các yêu cầu của quản lý và đầu tư phát triển có hiệu quả. Đồng thời, học phần cũng xem xét tới các nhân tố ảnh hưởng tới chi tiêu đầu tư và các nội dung đầu tư phát triển trong doanh nghiệp.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (M), PLO5 (M), PLO7 (M), PLO9 (M), PLO10 (M).

5.24. Kinh tế quốc tế: 3TC

❖ Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các lý thuyết thương mại quốc tế, nghiên cứu sự phụ thuộc của các quốc gia, giải thích lý do xuất hiện dòng di chuyển hàng hóa giữa một quốc gia với phần còn lại của thế giới và những ảnh hưởng đến phúc lợi quốc gia. Học phần cũng giới thiệu các mô hình thương mại quốc tế, sự hình thành và thay đổi giá trên thị trường quốc tế, khả năng chấp nhận thương mại của các quốc gia, ảnh hưởng của tăng trưởng đến thương mại quốc tế trong điều kiện nền kinh tế mở.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này giới thiệu hệ thống các lý thuyết về thương mại quốc tế, các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh tế quốc tế như thị trường ngoại hối, cán cân thanh toán, các định chế tài chính quốc tế, các hình thức liên kết quốc tế, cũng như ứng dụng các lý thuyết kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô để phân tích tác động của các chính sách thương mại quốc tế. Từ đó, người học có thể hiểu được những hiện tượng trong đời

sống kinh tế thực, hiểu được tác động của xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế có thể ảnh hưởng như thế nào đối với từng doanh nghiệp, từng tổ chức, từng địa phương, từng quốc gia trong quá trình ra quyết định và thực thi.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1 (M), PLO4 (M), PLO5 (M), PLO9 (M), PLO10 (M)

5.25. Kinh tế môi trường và quản lý tài nguyên: 2TC

❖ Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Kinh tế môi trường và Quản lý tài nguyên nhằm giúp sinh viên hiểu được mối quan hệ giữa hoạt động kinh tế với môi trường và ngược lại. Môn học thảo luận về các vấn đề lý thuyết và các công cụ có thể được sử dụng để hiểu và đo lường được các mối quan hệ đó, từ đó có những quyết định đúng đắn làm thế nào để quản lý các nguồn tài nguyên môi trường một cách tốt nhất.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này bao gồm các nội dung: mối quan hệ giữa môi trường thiên nhiên và tăng trưởng kinh tế; Kinh tế học về chất lượng môi trường; phân tích hoạt động kinh tế tác động đến môi trường và Quản lý môi trường. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu một số các chính sách để quản lý việc sử dụng nguồn tài nguyên một cách hiệu quả trong quá trình tăng trưởng kinh tế. Từ đó, giúp nhà quản lý kinh tế biết cách sử dụng tài nguyên một cách hiệu quả, và có ý thức bảo vệ môi trường thiên nhiên khi ra quyết sách.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO8 (M), PLO9 (M).

5.26. Kinh tế phát triển: 3TC

❖ Học phần học trước: Kinh tế vĩ mô 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này cung cấp cho người học có kiến thức vững vàng trong phân tích, đánh giá tình hình tăng trưởng và phát triển ở một quốc gia, địa phương cụ thể. Trên cơ sở đó người học người học có thể xây dựng một mô hình phù hợp để phát triển kinh tế địa phương hay quốc gia của mình.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này giới thiệu cho người học các lý thuyết khác nhau về tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là nguyên lý kinh tế để phát triển trong điều kiện các nước đang phát triển. Từ đó, giúp người học có thể hiểu về mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế rất khác nhau ở các nền kinh tế, các quốc gia, cũng như các giải pháp xóa nghèo, để có thể ứng dụng, lựa chọn mô hình tăng trưởng kinh tế phù hợp với địa phương cụ thể.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1 (M), PLO4 (M), PLO5 (M), PLO9 (M), PLO10 (M).

5.27. Kinh tế công cộng: 3TC

❖ Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Người học biết, hiểu và vận dụng linh hoạt các kiến thức về khu vực công trong phân bổ nguồn lực nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, trong đảm bảo công bằng xã hội và ổn định kinh tế vĩ mô, từ đó hình thành kỹ năng vận dụng linh hoạt các kiến thức để đánh giá và đề xuất các giải pháp mang lại hiệu quả cho hoạt động kinh tế của khu vực công.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần này giới thiệu cách tiếp cận mọi vấn đề trong quản lý kinh tế dưới góc độ phân tích những chính sách quản lý kinh tế công sẽ ảnh hưởng như thế nào đến phúc lợi xã hội

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO4 (M), PLO8 (M), PLO9 (M).

5.28. Phân tích và Dự báo kinh tế: 3TC

- ❖ Học phần học trước: Lý thuyết Xác suất và thống kê ứng dụng

- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về phân tích và dự báo; Phân biệt được các dạng dữ liệu trong phân tích, hiểu một số phương pháp phân tích trong kinh tế, vận dụng chúng trong phân tích các hoạt động thực tiễn có liên quan đến lĩnh vực kinh tế và quản lý.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần này bao gồm các nội dung: Tổng quan về phân tích và dự báo; Phân tích thống kê mô tả; Phân tích tương quan; Phân tích chuỗi thời gian; Dự báo chuỗi thời gian; Mô hình ARIMA. Ngoài ra môn học còn giới thiệu cho người học kỹ thuật phân tích thống kê, kỹ năng sử dụng các phần mềm dự báo, phân tích dữ liệu thông dụng SPSS, evIEWS, stata...

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (M), PLO5 (M), PLO7 (M), PLO10 (M).

5.29. Thực hành nghề nghiệp 1: 3TC

- ❖ Học phần học trước: không

- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Giúp sinh viên biết vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể về liên quan đến chuyên ngành. Tạo điều kiện cho sinh viên có môi trường rèn luyện, khả năng tự nghiên cứu và giải quyết những vấn đề thực tiễn trong quản lý kinh tế.

- *Tóm tắt nội dung:* Thực hành nghề nghiệp là một học phần bắt buộc trong qui trình đào tạo cử nhân đại học chuyên ngành QLKT, trường Đại học Tài chính – Marketing, nhằm thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Những nội dung của học phần này giúp SV có khả năng vận dụng lý thuyết đã học, từ đó đưa ra nhận xét và đề xuất những kiến nghị về các giải pháp để giải quyết các tình huống quản lý từng lĩnh vực cụ thể.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO2 (M), PLO3 (M), PLO4(M),

PLO5 (M), PLO8 (M), PLO9 (M), PLO10 (M)

5.30. Pháp luật quản lý kinh tế: 3TC

❖ Học phần học trước: Pháp luật đại cương.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này người trang bị cho người học kiến thức pháp luật về quản lý kinh tế có thể hiểu và giải quyết các vụ việc theo quy định của pháp luật thực định trong quản lý hoạt động đầu tư, kinh doanh; đưa ra các kiến nghị, đề xuất liên quan đến các hoạt động quản lý nhà nước về đầu tư, kinh doanh và có khả năng đưa ra các quyết định.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần trang bị các kiến thức pháp lý cơ bản liên quan đến việc phân cấp quản lý cũng như phạm vi điều chỉnh một số luật để người học tiếp cận với các môn học chuyên ngành liên quan đến pháp luật như Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; Luật quy hoạch; Luật đầu tư công; Luật doanh nghiệp; Luật các tổ chức tín dụng; Luật chứng khoán; Luật thuế; Luật đất đai ...

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1 (R), PLO3 (M), PLO4 (R), PLO7 (R), PLO9 (M).

5.31. Quản lý nhà nước về kinh tế: 3TC

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Trang bị cho người học hệ thống kiến thức về quản lý nhà nước về kinh tế ở các cấp độ quốc gia/ngành/địa phương để có thể khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhằm đạt tới các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho người học lý thuyết và công cụ để quản lý kinh tế ở địa phương, hay quốc gia. Học phần sẽ giúp người học nắm được vấn đề chung về quản lý nhà nước về kinh tế, hiểu được những đặc trưng cơ bản; cơ chế, chức năng và nguyên tắc, phương pháp và công cụ về quản lý nhà nước về kinh tế để đảm bảo các nguồn lực của nền kinh tế phân bổ hợp lý và sự vận hành thông suốt của nền kinh tế giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương, của quốc gia trong xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (M), PLO7 (M), PLO9 (M).

5.32. Marketing địa phương: 3TC

❖ Học phần học trước: Nguyên lý Marketing.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

- Nắm vững các kiến thức về marketing và có khả năng vận dụng kiến thức này vào một địa phương.

- Hiểu và áp dụng được cách thức lập kế hoạch, triển khai tổ chức thực hiện các chiến lược, chiến dịch và chương trình marketing địa phương.

- Kỹ năng ứng dụng kiến thức marketing, tích hợp với các kiến thức nền tảng về kinh tế và quản trị kinh doanh để phát hiện, giải quyết vấn đề marketing trong những tình huống cụ thể của địa phương.

- Ứng dụng nhận thức về bối cảnh xã hội, nhận thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội để xây dựng năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong công việc.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này nhằm cung cấp cho người học kiến thức về vai trò của marketing địa phương trong quản lý kinh tế. Đồng thời, nhằm cung cấp kỹ năng xây dựng chiến lược marketing địa phương theo chiến lược phát triển kinh tế quốc gia, và chiến lược phát triển địa phương, cũng như quá trình thực hiện, kiểm tra, quảng bá, thực thi chiến lược marketing địa phương nhằm xây dựng một hình ảnh, một thương hiệu cho địa phương trong quá trình quản lý kinh tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (A), PLO8 (M), PLO9 (M), PLO10 (M).

5.33. Chính sách kinh tế: 3TC

❖ Học phần học trước: Kinh tế vĩ mô 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các chính sách kinh tế và vận dụng kiến thức vào các vấn đề về hoạch định, tổ chức thực hiện các chính sách kinh tế và phân tích các hoạt động đánh giá, điều chỉnh và tổng kết các chính sách kinh tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này nghiên cứu các nội dung chủ yếu sau: Tổng quan về chính sách kinh tế trong nền kinh tế thị trường; Hoạch định, tổ chức thực hiện, phân tích và đánh giá chính sách kinh tế; Phân tích và đánh giá chính sách tài khóa; Chương 4: Phân tích và đánh giá chính sách tiền tệ; Phân tích và đánh giá chính sách chuyển dịch cơ cấu kinh tế; Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế đối ngoại

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO4 (M), PLO5 (M), PLO8 (M), PLO9 (M).

5.34. Thẩm định và quản lý dự án đầu tư: 3TC

❖ Học phần học trước: không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần Thẩm định và quản lý dự án đầu tư trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, công cụ và kỹ thuật vào việc lập, thẩm định và quyết định các chương trình và dự án công. Tổ chức thực hiện và kiểm soát quá trình thẩm định và thực hiện dự án công để đạt được các mục tiêu đầu tư.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này giới thiệu những kiến thức cơ bản về những nguyên tắc và kỹ thuật phân tích, đánh giá hiệu quả của dự án đầu tư công trên các khía cạnh tài chính, kinh tế, xã hội giúp tổ chức đưa ra quyết định lựa chọn phương án đầu tư hiệu quả và giảm thiểu rủi ro khi đưa ra quyết định đầu tư. Ngoài ra, học phần này cũng trang bị cho người học các tiêu chuẩn để đánh giá dự án và các quy tắc lựa chọn dự án đầu

tư khả thi.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (A), PLO8 (M), PLO9 (M).

5.35. Thực hành nghề nghiệp 2: 3TC

❖ Học phần học trước: Thực hành nghề nghiệp 1.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Giúp sinh viên biết vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể về liên quan đến chuyên ngành. Tạo điều kiện cho sinh viên có môi trường rèn luyện, khả năng tự nghiên cứu và giải quyết những vấn đề thực tiễn trong quản lý kinh tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Thực hành nghề nghiệp 2 được thiết kế gồm các nội dung: Chương 1: Giới thiệu khái quát về đặc điểm kinh tế, tổ chức của đơn vị thực hành; Chương 2: Trình bày dưới dạng mô tả hoạt động thực tế; Chương 3: So sánh thực tế và lý thuyết đã học ở trường và rút ra bài học kinh nghiệm. Những nội dung của học phần này người học có khả năng vận dụng lý thuyết để đánh giá, phân tích các lĩnh vực hoạt động quản lý cụ thể trong một tổ chức như quản lý nhân sự, quản lý tài chính, quản lý quy hoạch ... từ đó đưa ra nhận xét và đề xuất những ý kiến cá nhân về các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý từng lĩnh vực cụ thể.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (M), PLO5 (M), PLO8 (M), PLO9 (M).

5.36. Quản lý tài chính công: 3TC

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này trang bị cho người học kiến thức chung về tài chính công và quản lý tài chính công và đánh giá kết quả hoạt động quản lý tài chính công, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học về quản lý tài chính công.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Quản lý tài chính công gồm 2 khối kiến thức có bản: Khối kiến thức lý luận chung về tài chính công và quản lý tài chính công. Khối kiến thức lý luận về NSNN, phân cấp quản lý NSNN, quy trình NSNN, tổ chức cân đối NSNN và quản lý nợ công, quản lý các quỹ ngoài ngân sách, đánh giá kết quả hoạt động quản lý tài chính công.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (A), PLO8 (M), PLO9 (M).

5.37. Kế toán hành chính sự nghiệp: 3TC

❖ Học phần học trước: Kế toán tài chính 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

- Trình bày được khái niệm, đặc điểm, nhiệm vụ, môi trường pháp lý, tổ chức công tác kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp;

- Vận dụng các phương pháp và nguyên tắc kế toán để thực hiện được quy trình kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp;

- So sánh được phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế cơ bản trong các đơn vị hành chính sự nghiệp với các doanh nghiệp;

- Kiểm tra được việc ghi sổ và trình bày thông tin lên báo cáo kế toán.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về công tác kế toán tại các đơn vị hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức chính trị, xã hội có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước và không sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; giúp người học so sánh được công việc kế toán tại đơn vị hành chính sự nghiệp và kế toán tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, từ đó vận dụng tốt công việc kế toán trong mọi lĩnh vực kinh tế, đời sống xã hội.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO4 (M), PLO8 (M), PLO9 (M).

5.38. Kế toán tài chính 1 (Financial Accounting 1): 3 TC

❖ Học phần học trước: Nguyên lý kế toán

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ, vai trò, nguyên tắc, tổ chức công tác kế toán và môi trường pháp lý trong lĩnh vực kế toán tài chính.

- Phân biệt được các đối tượng kế toán trong lĩnh vực kế toán tài chính.

- Vận dụng các nguyên tắc, phương pháp kế toán để thực hiện các quy trình kế toán cơ bản trong doanh nghiệp.

- Kiểm tra được việc ghi sổ và trình bày thông tin lên báo cáo tài chính

- Đề xuất quy trình cơ bản để xử lý nghiệp vụ kế toán đối với các tình huống được giả định trong lĩnh vực kế toán tài chính.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc và phương pháp kế toán (trình tự thủ tục xử lý, luân chuyển chứng từ, ghi sổ và trình bày thông tin lên báo cáo tài chính) của các đối tượng: vốn bằng tiền, nợ phải thu và tạm ứng; hàng tồn kho; tài sản cố định và bất động sản đầu tư; nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu, thu nhập, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong các doanh nghiệp sản xuất, thương mại, dịch vụ.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (M), PLO7 (R), PLO9 (M), PLO10 (M).

5.39. Phân tích tài chính: 3TC

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Mục tiêu của học phần này nhằm giúp người học hiểu hơn về các Báo cáo tài chính, qua đó phát triển khả năng của người học trong việc nhìn nhận, đánh giá về tình hình tài chính của doanh nghiệp, phục vụ cho việc xử lý và ra quyết định của các đối tượng liên quan đến doanh nghiệp. Để đạt được mục tiêu này, học phần đề cập đến nội dung cơ bản về phân tích tài chính trong các doanh nghiệp (phương pháp, kỹ năng phân tích tài chính chủ yếu...). Vận dụng những kiến thức này người học sẽ phân tích được tình hình tài chính của tất cả các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế.

▪ *Tóm tắt nội dung môn học:*

Trang bị cho sinh viên những phương pháp phân tích, cung cấp những nội dung cần phân tích, cũng như dự báo tài chính doanh nghiệp làm cơ sở ra quyết định phù hợp với mục tiêu của người phân tích.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (M), PLO7 (R), PLO9 (M), PLO10 (M)

5.40. Đàm phán trong quản lý kinh tế: 3TC

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này giúp người học hiểu và vận dụng được các nguyên tắc cơ bản của đàm phán; Xây dựng kế hoạch chiến lược để đàm phán hiệu quả; Phân tích được các vấn đề quản lý và điều kiện của tổ chức, các bối cảnh chính trị, kinh tế xã hội và các vấn đề quốc tế, vấn đề đạo đức để làm cơ sở thực hiện đàm phán.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Môn học này bao gồm các nội dung về phương pháp và kỹ năng đàm phán trong quản lý kinh tế phục vụ cho công việc trong môi trường quản lý như giao tiếp, tổ chức hội họp, thiết lập văn bản, thương lượng, thuyết trình, đàm phán với các tổ chức cung cấp dịch vụ công, các tổ chức phi chính phủ, các cơ quan quản lý nhà nước và với người dân nhằm mục đích cung cấp hiệu quả nhất dịch vụ công cho xã hội.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO5 (M), PLO9 (M), PLO10 (M).

5.41. Quản lý hành chính văn phòng: 3TC

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này giúp sinh viên hiểu được các nghiệp vụ cơ bản trong công tác văn

phòng. Ngoài ra, môn học này còn trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết của quy trình quản trị các hoạt động hành chính trong các văn phòng, đặc biệt là các cơ quan hành chính nhà nước. Cùng với đó là những kỹ năng cơ bản trong hoạt động nghiệp vụ văn phòng như: tiến trình xử lý công văn, thu thập xử lý thông tin, hoạch định tổ chức các cuộc hội họp, các chuyển công tác.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức chung trong lĩnh vực quản lý hành chính một văn phòng của doanh nghiệp. Học phần sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản cách thức tổ chức và điều hành một văn phòng doanh nghiệp. Ngoài các ra còn đề cập và trang bị một số kiến thức về các nghiệp vụ cơ bản của công tác hành chính văn phòng như, tổ chức sắp xếp nơi làm việc, hội họp, lưu trữ, soạn thảo văn bản.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO5 (M), PLO9 (M).

5.42. Kinh doanh quốc tế 1: 3TC

- ❖ Học phần học trước: Không

- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này giúp sinh viên hiểu được các hoạt động kinh doanh trong môi trường quốc tế. Sinh viên nắm vững những kiến thức căn bản về hoạt động kinh doanh quốc tế như sự hình thành và phát triển của kinh doanh quốc tế, các thành tố tạo nên môi trường kinh doanh quốc tế; phân tích đánh giá môi trường kinh doanh cũng như các chiến lược kinh doanh quốc tế trong môi trường đó, các phương thức thâm nhập vào thị trường nước ngoài của doanh nghiệp khi tham gia vào hoạt động kinh doanh quốc tế.

- *Tóm tắt nội dung:* Kinh doanh quốc tế 1 là học phần thuộc khối kiến thức chung bắt buộc của ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động kinh doanh trong môi trường quốc tế. Học phần sẽ trang bị kiến thức về hoạt động kinh doanh quốc tế, các thành tố tạo nên môi trường kinh doanh quốc tế và tác động của nó đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, chiến lược kinh doanh quốc tế và các phương thức thâm nhập vào thị trường nước ngoài của các doanh nghiệp khi tham gia hoạt động kinh doanh quốc tế. Đồng thời, sinh viên được tiếp cận với một số tình huống thường gặp trong thực tiễn hoạt động kinh doanh quốc tế; các quan điểm và cách thức giải quyết nhằm giúp sinh viên hình thành và phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, năng lực tư duy trong hoạt động kinh doanh quốc tế; cũng như phẩm chất nghề nghiệp trước và sau khi tốt nghiệp. Học phần làm nền tảng để người học có thể học tập, nghiên cứu các học phần sau như Kinh doanh quốc tế 2, Đầu tư quốc tế, Giao dịch thương mại quốc tế, Quản trị xuất nhập khẩu.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO7 (M), PLO8 (M).

5.43. Quản trị nguồn nhân lực: 3TC

- ❖ Học phần học trước: Không

Giải thích và sử dụng được lý thuyết về các hoạt động quản trị nhân lực để phân tích công việc, hoạch định nhân lực, tuyển dụng, đào tạo và phát triển, đánh giá nhân viên, trả công lao động và quan hệ lao động trong tổ chức. Giải thích được ba chức năng thu hút, duy trì và sử dụng, đào tạo và phát triển nhân lực trong tổ chức.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho người học viên lý thuyết và công cụ để quản lý và phát triển nguồn nhân lực của địa phương hoặc tổ chức kinh tế, từ hoạch định nguồn nhân lực, đến việc lập kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, huấn luyện, sử dụng nguồn nhân lực, việc xây dựng các chính sách khen thưởng và kỷ luật để giữ vững nguồn nhân lực. Đặc biệt, học phần còn thảo luận về chính sách quản lý nhân tài, dự toán kinh phí cho việc quản lý nguồn nhân lực cho địa phương, và các biện pháp quản lý rủi ro và bảo vệ nguồn nhân lực cho địa phương.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO7 (M), PLO8 (M).

5.44. Tình huống quản lý kinh tế: 3TC

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể vận dụng được những kiến thức nền tảng và chuyên sâu về kinh tế và quản lý; sử dụng các kỹ năng và nhận thức của một nhà quản lý để nghiên cứu các tình huống xảy ra trong thực tiễn trong quản lý kinh tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Tình huống quản lý kinh tế cung cấp cho người học những kinh nghiệm thực tế trong việc xác định, phân tích và giải quyết các vấn đề trong quản lý kinh tế nhờ sự giúp đỡ của người hướng dẫn. Thông qua nghiên cứu tình huống, người học sẽ có nhiều cơ hội tiếp cận các bản mô tả các vấn đề về tổ chức, các tình huống về chính sách, về quản lý kinh tế diễn ra trong thực tiễn, từ đó người học sẽ tự phân tích các tình huống, dự đoán vấn đề và trình bày các phương pháp giải quyết của mình sau đó thảo luận, đánh giá để tìm ra giải pháp tối ưu.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1 (M), PLO2 (A), PLO3 (A), PLO4 (A), PLO5 (M), PLO6 (A), PLO7 (A), PLO8 (A), PLO9 (A), PLO 10 (A).

5.45. Khóa luận tốt nghiệp: 6TC

❖ Điều kiện tiên quyết: Theo điều kiện về thực hiện Khóa luận tốt nghiệp của Trường.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể vận dụng lý thuyết kinh tế và các công cụ, phương pháp quản lý để chỉ ra những thành tựu và hạn chế trong quản lý kinh tế trên phạm vi quốc gia, ngành, vùng, tổ chức kinh tế. Từ đó có thể so sánh, đối chiếu giữa lý thuyết và thực tiễn để đề xuất kiến nghị phù hợp

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Chuyên đề tốt nghiệp giúp cho sinh viên tiếp cận, nghiên cứu một đề tài cụ thể trong

thực tiễn, hình thành tác phong nghiên cứu khoa học, có kiến giải độc lập về một đề tài cụ thể.

Nếu đạt yêu cầu để làm khóa luận, sinh viên sẽ đào sâu nghiên cứu nâng báo cáo chuyên đề thực tập thành khóa luận tốt nghiệp; trường hợp ngược lại, sinh viên sẽ học môn học thay thế khóa luận.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1 (M), PLO2 (A), PLO3 (A), PLO4 (A), PLO5 (M), PLO6 (A), PLO7 (A), PLO8 (A), PLO9 (A), PLO 10 (A).

5.46. Thực tập tốt nghiệp: 3TC

❖ Điều kiện tiên quyết: Theo điều kiện về thực tập tốt nghiệp của Trường.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên biết vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể liên quan đến chuyên ngành, giúp người học có thể so sánh, đối chiếu giữa lý thuyết và thực tiễn để đề xuất kiến nghị phù hợp, tạo khả năng tự nghiên cứu và thích ứng với công việc sau khi tốt nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Thực tập tốt nghiệp giúp cho sinh viên tiếp cận, nghiên cứu một vấn đề cụ thể trong thực tiễn nhằm kiến giải về một vấn đề cụ thể. Sinh viên chọn đề tài nghiên cứu hoặc giải quyết một vấn đề cụ thể của chuyên ngành Quản lý kinh tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO2 (M), PLO3 (A), PLO4 (A), PLO5 (A), PLO7 (A), PLO8 (A), PLO9 (A).

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Phạm Tiến Đạt

**CHỦ TỊCH
 HỘI ĐỒNG XÂY DỰNG CTĐT**


TS. Đoàn Ngọc Phúc

CHÍNH